

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GÒ VẤP TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VĂN NGHỊ ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề có bốn trang)	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 – 2023 Môn : TOÁN – LỚP 7 Ngày kiểm tra: 22/12/2022 Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề) (Học sinh làm bài trên giấy kiểm tra)
---	---

Phần I. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu 1: Căn bậc hai số học của 36 là :

- A. $\sqrt{6}$ B. 6 C. -6 D. $-\sqrt{6}$

Câu 2: Khẳng định nào sau đây đúng?

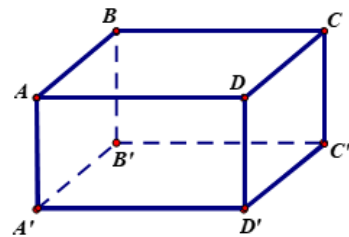
- A. $-1, (3) \notin \mathbb{R}$ B. $3, 5 \in \mathbb{I}$ C. $\pi \in \mathbb{R}$ D. $\sqrt{11} \notin \mathbb{I}$

Câu 3: Cho $|x| = 9$ thì giá trị của x là :

- A. $x = 9$ hoặc $x = -9$ B. $x = 3$ C. $x = 3$ hoặc $x = -3$ D. $x = -9$

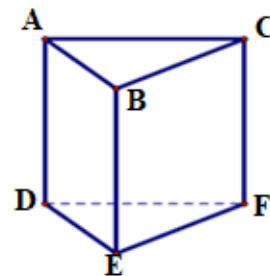
Câu 4: Hình hộp chữ nhật ABCD.A'B'C'D' có $AD = 7\text{cm}$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $A'B' = 7\text{cm}$ B. $B'C' = 7\text{cm}$
C. $CC' = 7\text{cm}$ D. $BD' = 7\text{cm}$



Câu 5: Quan sát lăng trụ đứng tam giác ABC.DEF ở hình bên. Hỏi mặt bên ABED là hình gì?

- A. Hình thoi. B. Hình bình hành.
C. Hình thang cân. D. Hình chữ nhật.

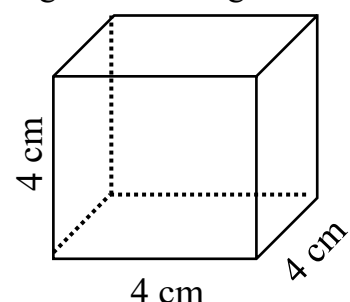


Câu 6: Hãy điền vào chỗ “....” để được khẳng định đúng: Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a đường thẳng song song với đường thẳng a.

- A. chỉ có một B. có vô số C. không có D. có hai

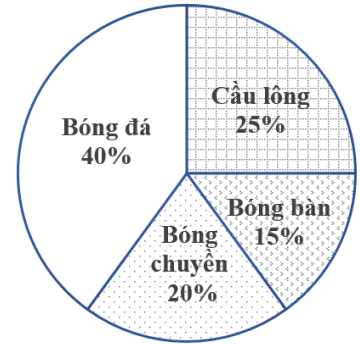
Câu 7: Quan sát lăng trụ đứng tứ giác ở hình bên. Cho biết lăng trụ đứng bên là hình gì?

- A. Hình trụ đứng tam giác.
B. Hình lăng trụ đứng lục giác.
C. Hình trụ.
D. Hình lập phương.



Câu 8: Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở trường A. Mỗi học sinh chỉ được chọn một môn thể thao khi được hỏi ý kiến. Hỏi số học sinh chọn môn Bóng đá và Cầu lông chiếm bao nhiêu phần trăm?

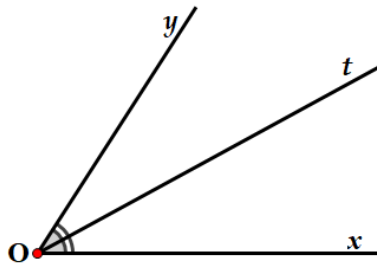
- A. 40%
- B. 65%
- C. 55%
- D. 45%



Câu 9: Trong các số sau, số nào biểu diễn số thập phân vô hạn tuần hoàn?

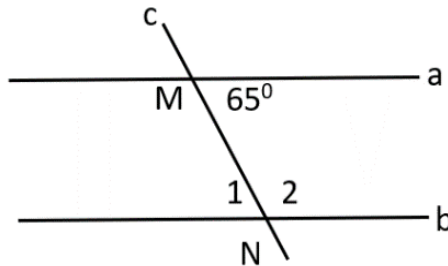
- A. $\frac{1}{10}$
- B. $\frac{2}{5}$
- C. $\frac{7}{6}$
- D. $\sqrt{13}$

Câu 10: Quan sát hình vẽ bên dưới, tia phân giác của góc xOy là:



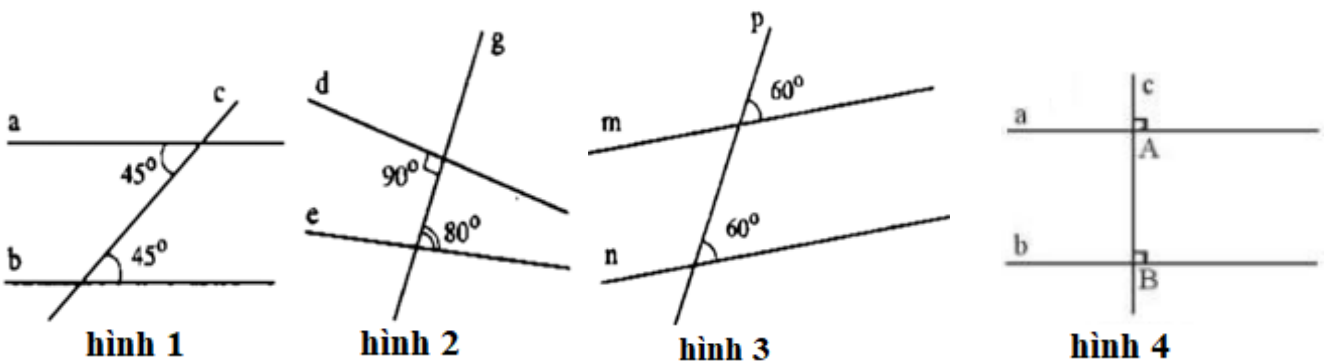
- A. Ox
- B. Oy
- C. Ot
- D. không có

Câu 11: Cho hình vẽ bên, biết $a \parallel b$. Số đo $\widehat{N_1}$ là bao nhiêu?



- A. 60°
- B. 65°
- C. 115°
- D. 100°

Câu 12: Hình vẽ nào sau đây **không** có hai đường thẳng song song?



- A. Hình 1
- B. Hình 2
- C. Hình 3
- D. Hình 4

Phần II. Tự luận. (7,0 điểm)

Bài 1: (0,5 điểm) Tìm số đối của các số sau : $\frac{11}{29}$; $-\sqrt{97}$

Bài 2: (1,0 điểm)

a) Tính: $\frac{7}{10} \cdot \frac{15}{19} + \frac{7}{10} \cdot \frac{4}{19}$

b) Tìm x, biết: $0,8 - \left(x + \frac{3}{5}\right) = \frac{1}{2}$

Bài 3: (0,5 điểm) Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Nếu hai đường thẳng a và b phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng c thì a và b song song với nhau”.

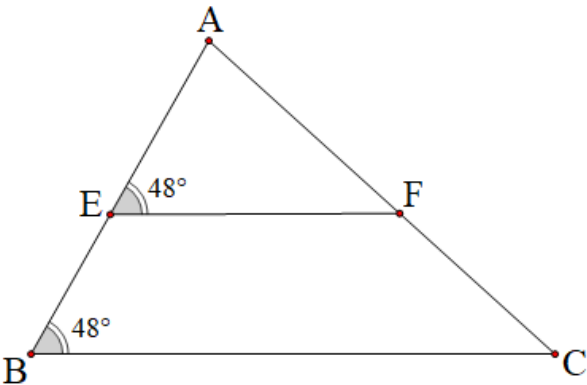
Bài 4: (0,75 điểm) Tính căn bậc hai số học của các số sau (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

a) $\sqrt{31}$

b) $\sqrt{123}$

c) $-200\sqrt{5}$

Bài 5: (0,75 điểm) Quan sát hình vẽ sau.
Giải thích vì sao BC song song với EF?



Bài 6: (1,0 điểm) Hãy nêu dữ liệu chưa hợp lí trong mỗi bảng thống kê sau:

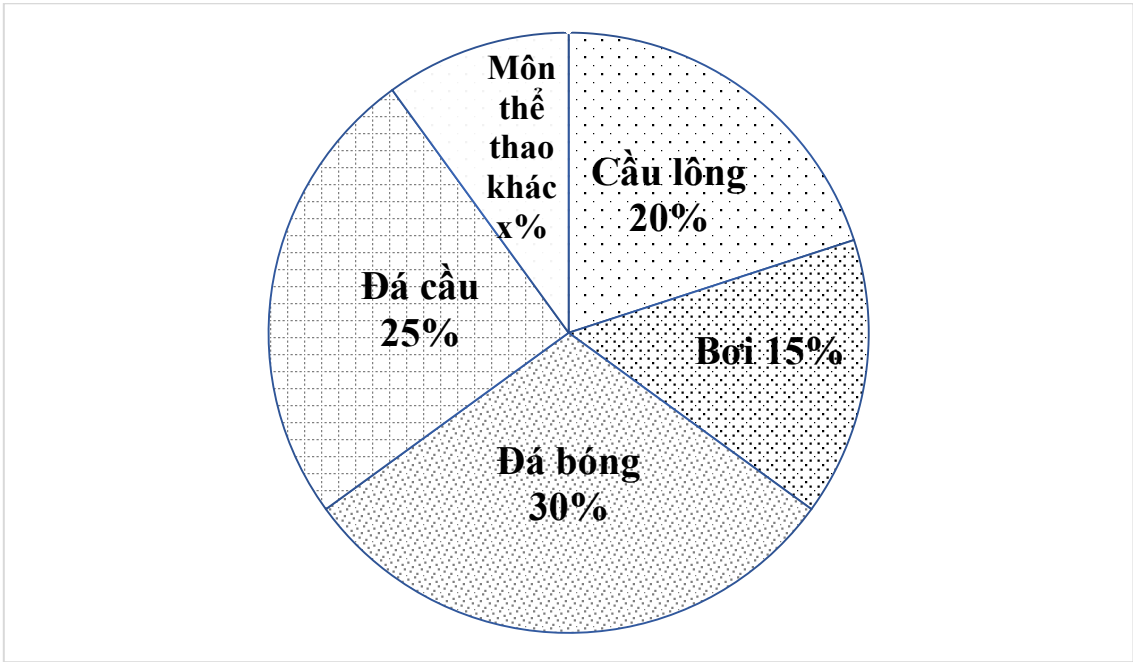
a)

Lớp	Sĩ số	Số học sinh đăng ký tham quan ngoại khóa
7A	45	35
7B	50	42
7C	48	50
7D	47	30
Tổng	190	157

b)

Tỉ số phần trăm các loại xe trong nhà xe của chung cư A	
Loại xe	Tỉ số phần trăm
Xe đạp	15%
Xe gắn máy	65%
Xe điện	15%
Ô tô	8%
Tổng	103%

Bài 7: (0,5 điểm) Số học sinh yêu thích các môn thể thao: đá bóng, đá cầu, cầu lông, bơi và môn thể thao khác của một trường THCS được biểu diễn qua biểu đồ hình quạt tròn dưới đây. Tính số phần trăm học sinh yêu thích môn thể thao khác?



Bài 8: (0,5 điểm) Tính đến ngày 01/04/2019 Việt Nam là quốc gia đông dân thứ ba trong khu vực Đông Nam Á. Tổng số dân của Việt Nam là 96 208 984 người, trong đó dân số nam là 47 881 061 người và dân số nữ là 48 327 923 người. Hãy làm tròn các số liệu về dân số nam và dân số nữ nêu trên đến hàng nghìn.

Bài 9: (0,5 điểm) Kết quả tìm hiểu về mức độ yêu thích đối với việc đọc sách trong thư viện của các bạn nam lớp 7C tại một trường Trung học cơ sở được cho bởi bảng thống kê sau:

Sở thích	Không thích	Thích	Rất thích	Không quan tâm
Số bạn nam	5	7	6	4

- a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa vào tiêu chí định tính và định lượng.
- b) Biết lớp 7C có 50 học sinh. Hỏi dữ liệu trên có đại diện được cho mức độ yêu thích đối với việc đọc sách trong thư viện của các bạn học sinh lớp 7C hay không? Vì sao?

Bài 10: (1,0 điểm) Một người luyện tập chạy bộ từ nhà đến một công viên ở cách đó 874,8 m đường bộ với tốc độ là 97,2 (m/phút). Khi đến công viên, người này đã ở đây trong 10 phút để chơi cầu lông cùng nhóm bạn. Sau đó người này đã chạy bộ theo đường cũ từ công viên về nhà và dừng lại tại một quán cà phê cách nhà 360 m đường bộ. Biết rằng tổng thời gian từ lúc bắt đầu chạy bộ từ nhà cho đến khi dừng ở quán cà phê là 34,6 phút và quán này nằm trên đoạn đường từ nhà đến công viên. Hỏi khi chạy bộ từ công viên đến quán cà phê, tốc độ của người đó là bao nhiêu? (đơn vị đo là m/phút)

ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

Môn : Toán – Lớp: 7

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	A	B	D	A	D	B	C	C	B	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1 (0,5đ)	- Số đối của $\frac{11}{29}$ là $-\frac{11}{29}$ - Số đối của $-\sqrt{97}$ là $\sqrt{97}$	0,25 0,25
2 (1đ)	a) Tính: $\frac{7}{10} \cdot \frac{15}{19} + \frac{7}{10} \cdot \frac{4}{19}$ $= \frac{7}{10} \left(\frac{15}{19} + \frac{4}{19} \right)$ $= \frac{7}{10} \cdot 1$ $= \frac{7}{10}$	0,25 0,25
	b) Tìm x, biết: $0,8 - \left(x + \frac{3}{5} \right) = \frac{1}{2}$ $x + \frac{3}{5} = \frac{4}{5} - \frac{1}{2}$ $x + \frac{3}{5} = \frac{3}{10}$ $x = \frac{3}{10} - \frac{3}{5}$ $x = \frac{-3}{10}$	0,25 0,25
3 (0,5đ)	- Giả thiết: hai đường thẳng a và b phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng c - Kết luận: a và b song song với nhau.	0,25 0,25
4 (0,75đ)	a) $\sqrt{31} = 5,567764363... \approx 5,57$ b) $\sqrt{123} = 11,09053651... \approx 11,09$	0,25 0,25

	c) $-200\sqrt{5} = -447,2135955... \approx -447,21$	0,25
5 (0,75đ)	Ta có : $\widehat{AEF} = \widehat{ABC} = 48^\circ$ mà hai góc này ở vị trí đồng vị $\Rightarrow BC \parallel EF$	0,25 0,25 0,25
6 (1đ)	a) Bảng thống kê này chưa hợp lý vì số học sinh đăng ký tham quan ngoại khóa của lớp 7C (50 HS) nhiều hơn sĩ số lớp 7C (48 HS) b) Bảng thống kê này chưa hợp lý vì tổng tỉ số phần trăm các loại xe trong nhà xe chung cư A vượt quá 100% (103%)	0,5 0,5
7 (0,5đ)	Số phần trăm học sinh yêu thích các môn thể thao khác là: $100\% - (20\% + 15\% + 30\% + 25\%) = 10\%$ (số học sinh trường)	0,5
8 (0,5đ)	- Dân số nam: $47\,881\,061 \approx 47\,881\,000$ người - Dân số nữ: $48\,327\,923 \approx 48\,328\,000$ người	0,25 0,25
9 (0,5đ)	a/ - Dữ liệu định tính là: sở thích (không thích, thích, rất thích, không quan tâm) - Dữ liệu định lượng là: số bạn nam (5; 7; 6; 4) b/ - Dữ liệu trên chưa có đại diện được cho mức độ yêu thích đối với việc đọc sách trong thư viện của các bạn học sinh lớp 7C vì đối tượng khảo sát còn thiếu các bạn nữ.	0,25 0,25
10 (1,0đ)	- Thời gian An chạy bộ từ nhà đến công viên: $874,8 : 97,2 = 9$ (phút) - Thời gian An chạy bộ từ công viên đến quán nước: $34,6 - (9 + 10) = 15,6$ (phút) - Quãng đường An chạy bộ từ công viên đến quán nước: $874,8 - 360 = 514,8$ (m) - Tốc độ chạy bộ của An từ công viên đến quán nước: $514,8 : 15,6 = 33$ (m/phút)	0,25 0,25 0,25 0,25

---Hết---

Ngày soạn 10/12/2022

Người soạn

Huỳnh Thị Tuyết Mai